

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Bến En đi
trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 48/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh; số 123/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3688/SXD-HĐXD ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (kèm

theo thông báo kết quả thẩm định số 3640/SXD-HĐXD ngày 26 tháng 5 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh với những nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Như Thanh.

4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Việt Thanh.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Tăng cường kết nối khu du lịch Bến En với Quốc lộ 45, đường Hồ Chí Minh tạo thuận lợi thu hút lượng khách du lịch đi từ hướng đường Hồ Chí Minh vào khu du lịch Bến En; từng bước hình thành tuyến đường vành đai phía Đông thị trấn Bến Sung theo quy hoạch, chia sẻ lưu lượng giao thông với Quốc lộ 45 đoạn qua trung tâm thị trấn Bến Sung; mở ra không gian phát triển và khai thác quỹ đất khu vực thị trấn Bến Sung; tăng cường khả năng kết nối thị trấn Bến Sung với Bến En và Am Tiên.

6. Quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới tuyến đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh với chiều dài 2.768m (trong đó đoạn Km0+00-Km0+417 tuyến đi trùng với đường tỉnh 520); cụ thể như sau:

- Phần đường: Đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi (theo TCVN 4054-2005), có vận tốc thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$. Công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT, tải trọng H30-XB80; tần suất thủy văn $P=4\%$.

- Phần cầu: Xây dựng mới bằng BTCT và BTCT dự ứng lực (theo TCVN 11823- 2017); tần suất thủy văn đối với cầu nhỏ $P=4\%$, khổ cầu phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 3×10^{-3} Mpa.

7. Giải pháp thiết kế chủ yếu

7.1. Bình đồ: Đoạn từ Km0+00 - Km0+417 tuyến đi trùng với đường tỉnh 520, sau đó tuyến đi mới hoàn toàn, hướng tuyến được lựa chọn trên cơ sở phù hợp với quy hoạch chung thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 12/7/2021.

- Điểm đầu: Km0+00 giao với đường Vạn Thiện đi Bến En, thuộc địa phận thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.

- Điểm cuối: Km2+767,92 giao với Quốc lộ 45 tại Km111+350, thuộc địa phận thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.

Tổng số có 04 đường cong nằm, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=200\text{m}$.

7.2. Cắt dọc: Cao độ đường đò được thiết kế cơ bản tuân thủ theo cao độ quy hoạch được duyệt và thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế (công trình cầu, nút giao với tuyến đường hiện có) và tần suất thủy văn tính toán. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=2,25\%$.

7.3. Cắt ngang:

- Đoạn từ Km0+00 - Km0+532,36 và Km1+7,22 - Km2+767,92 dài khoảng 2,293km đầu tư mặt cắt ngang theo quy mô: Nền đường $B_n=24,0\text{m}$; mặt đường $B_m=11,0\text{m}$; hè đường bên trái $B_{VH\text{ trái}}=8,0\text{m}$; lề đất bên phải $B_{L\text{ phải}}=5,0\text{m}$.

- Đoạn từ Km0+532,36 - Km1+7,22 dài khoảng 0,475km đầu tư mặt cắt ngang theo quy mô: Nền đường $B_n=18,0\text{m}$; mặt đường $B_m=11,0\text{m}$; hè đường bên trái $B_{VH\text{ trái}}=5,0\text{m}$; lề đất bên phải $B_{L\text{ phải}}=2,0\text{m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=2\%$; dốc hè đường $i_h=2\%$ dốc vào mặt đường; lề đất $i_l=4\%$.

7.4. Kết cấu áo đường: Mặt đường thiết kế với kết cấu mặt đường cấp cao loại A1 đảm bảo cường độ mặt đường $E_{yc}\geq 140\text{Mpa}$. Kết cấu theo thứ tự từ trên xuống như sau:

- Đối với phần mặt đường mới và mở rộng: BTN C19 dày 6cm; Tưới dính bóm 0,5 kg/m²; BTN C19 dày 7cm; Tưới nhựa thấm bóm 1,0 kg/m²; Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại II dày 45cm.

- Đối với kết cấu trên phần đường cũ nút giao quốc lộ 45: Thảm tăng cường 01 lớp BTN C19 dày 6cm; bù vênh mặt đường cũ bằng bê tông nhựa; tưới dính bóm 0,5 kg/m².

7.5. Nền đường:

- Nền đường đắp thông thường: Đắp đạt $K\geq 0,95$, lớp sát đáy áo đường dày 30cm đạt $K\geq 0,98$; độ dốc mái ta luy đắp 1/1,5. Phần lề đường bên phải tuyến đắp $K\geq 0,95$ trong phạm vi từ mép đường ra 1,0m, phần còn lại tận dụng các loại đất đá đào trên tuyến, đất không thích hợp để đắp lề, tạo khuôn đường.

- Nền đào: Độ dốc mái taluy nền đào thiết kế với lớp đất cấp 3, đất cấp 4 là 1/1, đối với nền đào đá cấp 3 là 1/0,5. Đối với các đoạn có chiều sâu nền đào $H>12\text{m}$ tiến hành giạt cơ với chiều dài mái cơ là $H=8\text{m}$, chiều rộng cơ $B=2\text{m}$, độ dốc 10% dốc vào mặt đường.

7.6. Nút giao: Thiết kế giao bằng; tổ chức giao thông bằng biển báo, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc, đèn cảnh báo. Kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao tương tự như kết cấu phần tuyến.

7.7. Đường giao dân sinh: Vuốt nổi đảm bảo êm thuận, độ dốc dọc $i\leq 4\%$; các nhánh rẽ được mở rộng để đảm bảo an toàn giao thông; kết cấu mặt đường bằng BTXM hoặc BTN tùy theo kết cấu mặt đường hiện trạng

7.8. Đan rãnh, hè đường, bó vỉa, hố trồng cây:

- Rãnh đan thu nước mặt được thiết kế với chiều rộng 30cm, được đổ trực tiếp bằng bê tông M200, nằm trên lớp móng cấp phối đá dăm của áo đường và chạy theo mép nhựa dọc bên tuyến.

- Hè đường: Lát bằng đá tự nhiên trên lớp bê tông M150.

- Bó vỉa hè đường: Sử dụng bó vỉa lát bằng đá tự nhiên, nằm trên lớp bê tông M150.

- Hố trồng cây: Bằng các viên đá xẻ tự nhiên, nằm trên lớp lót bê tông M150.

7.9. Công trình thoát nước:

a. Thoát nước mưa mặt đường: Thoát nước mặt đường chủ yếu bằng chảy tỏa; bên trái tuyến và qua các đường ngang nút giao rãnh dọc được thiết kế bằng công tròn BTCT và rãnh chữ nhật thường và rãnh chịu lực và được đặt dưới hè đường, thu nước qua đan rãnh, cửa thu và thoát về công ngang.

b. Hệ thống thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải của khu vực được xây dựng riêng, hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

c. Công trình công thoát nước ngang: Toàn tuyến xây dựng 13 công thoát nước ngang bằng công hộp, bề rộng công bằng bề rộng nền đường; kết cấu công bằng bê tông và BTCT.

d. Cầu bắc qua kênh Nam:

Cầu nằm trên đường thẳng; chiều dài cầu đến đuôi mố $L=27,10\text{m}$; chiều rộng toàn cầu $B_c=(8,5+11,0+0,5)\text{m}=20,0\text{m}$.

- Kết cấu phần trên: Sơ đồ nhịp cầu gồm 01x21m, dầm bản rộng giản đơn bằng BTCT DUL 40Mpa kéo trước, $L=21\text{m}$, chiều cao $H=0,80\text{m}$. Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C19 dày 7cm, sau khi tưới lớp nhựa dính bám $0,5\text{kg}/\text{m}^2$ và chống thấm bằng dung dịch phun. Bản mặt cầu bằng BTCT; Khe co giãn sử dụng loại khe thép dạng răng lược. Thoát nước mặt cầu bằng ống gang đúc kết hợp ống nhựa $\Phi 150$, phễu thu nước và nắp chắn rác bằng gang đúc sẵn. Thiết kế vỉa hè người đi bộ bên trái cầu, kết cấu hè được lát bằng đá tự nhiên, phía dưới tấm bản BTCT hè đi bộ đặt 03 ống kỹ thuật PVC D150. Gờ lan can bằng BTCT 25Mpa đổ tại chỗ, lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng 2 lớp. Gói cầu dùng gói cao su bản thép.

- Kết cấu phần dưới: Hai mố có cấu tạo giống nhau, mố dạng tường bằng BTCT 30MPa, đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính D1,0m gồm 05 cọc bằng BTCT 30Mpa. Bản chuyển tiếp bằng BTCT 25MPa.

- Đường dẫn đầu cầu và kết cấu khác: Hoàn trả gia cố mái kênh có $m_{\text{mái}}=1,5$ bằng các tấm BTCT M250.

e. Hoàn trả rãnh chịu lực Quốc lộ 45:

Xây dựng hoàn trả các đoạn rãnh trong phạm vi mở rộng nút giao với Quốc lộ 45 để đảm bảo thoát nước mặt đường trên quốc lộ 45; các rãnh hoàn trả lại bằng đúng khẩu độ hiện có; kết cấu rãnh hoàn trả bằng bê tông, BTCT.

g. Tuy nen kỹ thuật: Thiết kế công tuy nen kỹ thuật nằm trong các nút giao. Cấu tạo bằng BTCT dạng hộp.

7.10. Hệ thống chiếu sáng đường phố:

- Phần chiếu sáng đường phố: Xây dựng 01 dãy cột đèn chiếu sáng nằm trên hè đường bên trái tuyến, cột đèn sử dụng cột thép bát giác côn rời cần có chiều cao 11m trong đó thân cột dùng loại cần loại 9m và bộ cần đèn đơn cao 2m vươn 1,5m. Đèn chiếu sáng sử dụng bóng tiết kiệm điện bằng led có công suất 150W ánh sáng vàng, với khoảng giữa các cột 35m/cột. Tại các vị trí nút giao bố trí sử dụng cột thép đa giác loại 14m và lồng đèn cố định 4 hướng, sử dụng bóng điện bằng led có công suất 400W.

- Phần đường dây trung áp cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải: Xây dựng mới ĐZ-35kV đi ngầm sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC-3x70mm²-35kV để cấp điện cho TBA chiếu sáng.

- Giải pháp cấp nguồn chiếu sáng: Nguồn điện cấp cho các tủ điều khiển chiếu sáng sẽ được lấy tại các tủ điện hạ thế trạm biến áp phân phối. Dây dẫn cho cấp nguồn tính chọn như sau:

+ Cấp nguồn từ nguồn hạ thế 0,4kV đến tủ điều khiển chiếu sáng: Sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV - 3x25+1x16mm².

+ Cấp nguồn từ tủ điều khiển chiếu sáng đến các đèn chiếu sáng: Tuyến sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV - 3x25+16mm².

+ Dây lên đèn các loại đèn còn lại sử dụng dây Cu/XLPE/PVC 2x1,5mm².

+ Tất cả các sợi dây cấp cấp nguồn cho các tủ điện điều khiển và các cột đèn đều được luồn trong ống nhựa gân xoắn D65/50 và được chôn ngầm trong rãnh cáp. Với các đoạn tuyến có rãnh cáp hạ thế, cáp chiếu sáng sẽ được bố trí đi chung trong rãnh cáp hạ thế.

7.11. An toàn giao thông: Bố trí đầy đủ tuân thủ công trình an toàn giao thông theo đúng quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.

- Diện tích đất sử dụng: khoảng 12,63ha.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận theo Báo cáo thẩm định số 3640/SXD-HĐXD ngày 26/5/2022 của Sở Xây dựng.

11. Tổng mức đầu tư: 348.154.884.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	139.488.000.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	157.065.996.000	đồng.
- Chi phí thiết bị:	664.059.000	đồng.
- Chi phí QLDA:	2.508.472.000	đồng.
- Chi phí TV ĐTXD:	6.676.464.000	đồng.
- Chi phí khác:	2.359.502.000	đồng.
- Dự phòng:	39.392.391.000	đồng.

(chi tiết có phụ biểu Tổng mức đầu tư kèm theo)

12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần chi phí xây dựng là 160 tỷ đồng; ngân sách huyện Như Thanh và các nguồn hợp pháp khác là 198 tỷ đồng.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2025.

14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Như Thanh làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Như Thanh tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ ý kiến các ngành liên quan và kiến nghị của Sở Xây dựng tại báo cáo thẩm định số 3640/SXD-HĐXD ngày 26/5/2022.

- UBND huyện Như Thanh tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Như Thanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**DỰ ÁN: ĐƯỜNG BÊN EN ĐI TRUNG TÂM THỊ TRẤN BẾN SUNG, HUYỆN NHƯ THANH***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: đồng*

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	<i>Khái toán</i>	139.488.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	<i>Dự toán chi tiết</i>	157.065.996.000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ		664.059.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1,718% x 146.046.347.222	2.508.472.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		6.676.464.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	Quyết định số 59/QĐ-BQLDA ngày 08/11/2021 của Giám đốc BQLDA ĐTXD huyện Như Thanh	986.000.000
2	Chi phí khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	Khái toán	540.000.000
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	1,019% x 145.431.477.778	1.600.678.000
4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>Quyết định số 37/QĐ-BQLDA ngày 27/8/2021 của Giám đốc BQLDA ĐTXD huyện Như Thanh</i>	<i>12.130.000</i>
-	<i>Bước TK BVTC</i>	3,000% x 500.000.000	15.000.000
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát		
-	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>Quyết định số 37/QĐ-BQLDA ngày 27/8/2021 của Giám đốc BQLDA ĐTXD huyện Như Thanh</i>	<i>16.464.000</i>
-	<i>Bước TK BVTC</i>	4,072% x 500.000.000	20.360.000
6	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB và MLG	Khái toán	232.410.000
7	Chi phí thẩm tra		
-	<i>Chi phí thẩm tra thiết kế</i>	0,079% x 145.431.477.778	124.086.000
-	<i>Chi phí thẩm tra dự toán</i>	0,076% x 145.431.477.778	119.518.000
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT		
-	<i>Gói thầu tư vấn Khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	<i>Quyết định số 39/QĐ-BQLDA ngày 30/08/2021 của Giám đốc BQLDA ĐTXD huyện Như Thanh</i>	<i>8.099.000</i>
-	<i>Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	0,075% x 145.749.603.415	117.904.000
-	<i>Các gói thầu tư vấn (tư vấn KS-TK BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán)</i>	0,816% x 5.071.449.912	44.694.000

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
9	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX gói thầu mua sắm thiết bị	Mức tối thiểu theo NĐ 63/2014/NĐ-CP	2.000.000
10	Thẩm định HSMT và KQ LCNT		
-	Gói thầu tư vấn Khảo sát, lập báo cáo NCKT	Mức tối thiểu theo NĐ 63/2014/NĐ-CP	2.000.000
-	Gói thầu xây lắp	Mức tối đa theo NĐ 63/2014/NĐ-CP	100.000.000
-	Các gói thầu tư vấn (tư vấn KS-TK BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán)	Mức tối thiểu 2.000.000đ/gói theo NĐ 63/2014/NĐ-CP	6.000.000
11	Thẩm định HSYC và KQ đánh giá HSDX gói thầu mua sắm TB		2.000.000
12	Chi phí giám sát		
-	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1,513% x 145.431.477.778	2.376.711.000
-	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,677% x 614.869.444	4.496.000
-	Chi phí giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	3,203% x 272.727.273	9.434.000
13	Chi phí khảo sát, lập phương án rà phá bom mìn	2,000% x 300.000.000	6.480.000
14	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng		80.000.000
15	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tạm tính	250.000.000
VI	CHI PHÍ KHÁC		2.359.502.000
1	Chi phí kiểm toán	0,248% x 357.953.145.000	977.550.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,167% x 0,5 x 357.953.145.000	298.820.000
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình		
-	Phần tuyến	0,250% x 139.975.280.556	384.932.000
-	Phần cầu	0,450% x 11.922.289.815	59.015.000
-	Phần cáp điện	0,250% x 4.874.932.407	13.406.000
4	Phí thẩm định dự án	0,009% x 0,5 x 357.953.145.000	15.779.000
5	Chi phí rà phá bom mìn (tạm tính)	10ha x 30tr/ha	300.000.000
6	Chi phí xin phép nổ mìn phá đá		50.000.000
7	Chi phí đấu nối đường điện, hạ tầng kỹ thuật	Tạm tính	100.000.000
8	Chi phí đảm bảo ATGT trong quá trình thi công		100.000.000

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
9	Chi phí kiểm tra của Cơ quan QLNN	Tạm tính	60.000.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	12,8%	39.392.391.000
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	10,0% x 308.762.493.000	30.876.249.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,76% x 308.762.493.000	8.516.142.000
	TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ (LÀM TRÒN)	I+II+III+IV+V+VI+VII	348.154.884.000